

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SONACONS
(SNC)
(LẦN ĐẦU)

Trụ sở: Số 3, Đường 3, KCN Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố
Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 061 3836496 - 061 3836544 - 061 3833947 Fax: 061 3932571

Đồng Nai, tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

1. Căn cứ:.....	3
2. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ:.....	3
Điều 1: Các nguyên tắc chung	4
Điều 2: Tên công ty và hình thức.....	4
Điều 3: Trụ sở.....	4
Điều 4: Mục tiêu, lĩnh vực kinh doanh và phạm vi hoạt động của công ty	4
Điều 5: Thời gian hoạt động	5
Điều 6: Cơ cấu tổ chức quản lý công ty.....	5
Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị – xã hội khác	5
Điều 8: Quyền của công ty	6
Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty	6
Điều 10: Vốn điều lệ.....	7
Điều 11: Vốn vay.....	7
Điều 12: Cổ phần	7
Điều 13: Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 14: Thừa kế cổ phần.....	8
Điều 15: Cổ phiếu.....	8
Điều 17: Mua lại cổ phần theo yêu cầu cổ đông.....	9
Điều 18: Mua lại cổ phần theo quyết định Công ty.....	9
Điều 19: Cổ đông.....	10
Điều 20: Quyền của cổ đông.....	10
Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 22: Sổ đăng ký cổ đông.....	12
Điều 23: Đại Hội đồng cổ đông.....	12
Điều 24: Thẩm quyền triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông.....	12
Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 26: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 27: Các đại diện được ủy quyền.....	15
Điều 28: Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội đồng cổ đông	16
Điều 29: Thông qua quyết định của Đại Hội đồng cổ đông	16
Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 31: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 32: Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	18
Điều 33: Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.....	18
Điều 34: Các cuộc họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 35: Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 36: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	21

Điều 37: Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 38: Tổng Giám đốc Công ty.....	22
Điều 39: Thư ký Công ty.....	23
Điều 40: Thành viên Ban kiểm soát.....	23
Điều 41: Ban kiểm soát.....	24
Điều 42: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát.....	25
Điều 43: Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát.....	25
Điều 44: Đối với Hội đồng quản trị.....	26
Điều 45: Đối với Ban kiểm soát.....	26
Điều 46: Đối với Tổng Giám đốc công ty.....	26
Điều 47: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	27
Điều 48: Hạch toán.....	27
Điều 49: Hệ thống kế toán.....	28
Điều 50: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.....	28
Điều 51: Cổ tức.....	28
Điều 52 : Công ty mẹ.....	29
Điều 53 : Quan hệ với công ty mẹ.....	29
Điều 54: Trách nhiệm Công ty mẹ.....	30
Điều 55: Trách nhiệm công ty Cổ phần xây lắp Sonacons.....	30
Điều 56: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	30
Điều 57: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	31
Điều 58. Kiểm toán.....	31
Điều 59: Giải thể Công ty.....	31
Điều 60: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	32
Điều 61: Thanh lý.....	32
Điều 62: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	33
Điều 63: Chế độ lưu giữ tài liệu công ty.....	33
Điều 64: Con dấu.....	34
Điều 65: Điều khoản thi hành.....	34
Điều 66: Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	34
Điều 67: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	34
Điều 68 : Đăng ký Điều lệ.....	34

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Căn cứ:

- a. Luật doanh nghiệp đã được kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- b. Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng SONADEZI (Sửa đổi và bổ sung lần III ngày 18/4/2008).
- c. Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 của Quốc hội.

Điều lệ này đã được các cổ đông sáng lập thông qua ngày ngày 15 tháng 12 năm 2009. Bản điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

2. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ:

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
- "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
- "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Các nguyên tắc chung

Điều lệ này có thể không nhắc lại các quy định của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với Công ty, các cổ đông của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, người lao động (trừ những trường hợp nêu dưới đây) bởi vì những quy định này sẽ luôn được áp dụng cho dù có nêu trong Điều lệ này hay không.

Điều lệ này có thể không nhắc lại những cụm từ thường được sử dụng: “Theo quy định của pháp luật Việt Nam” vì mọi người đều luôn luôn phải tuân thủ, chịu sự ràng buộc và thực hiện pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động.

Điều 2: Tên công ty và hình thức

1. Tên công ty

- Tên Việt Nam: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SONACONS**
- Tên tiếng Anh: **Sonacons Construction Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **SNC**
- Logo công ty:

2. Hình thức

Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons (sau đây gọi tắt là Công ty) là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 3: Trụ sở

- Trụ sở chính: Số 3, Đường 3, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 061 3836496 - 061 3836544 – 061 3833947
- Fax: 061 3932571
- E-mail: contact@sonacons.com.vn
- Website: www.sonacons.com.vn, www.sonacons.vn

Điều 4: Mục tiêu, lĩnh vực kinh doanh và phạm vi hoạt động của công ty

1. Mục tiêu:

Công ty được thành lập để phát triển các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và các dịch vụ có liên quan nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, thực hiện nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty:

- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế trang trí nội - ngoại thất công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; Thi công lắp đặt các sản phẩm cơ khí, hệ thống điện, hệ thống nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét. Thi công trang trí nội thất.

Công ty được mở rộng, thu hẹp hoặc có thể thay đổi lĩnh vực hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Phạm vi hoạt động: Trên địa bàn cả nước hoặc nước ngoài theo luật định.

Điều 5: Thời gian hoạt động

1. Thời gian hoạt động của công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
3. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6: Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị – xã hội khác

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị – xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 8: Quyền của công ty

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty
2. Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn.
5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu.
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
7. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.
9. Các quyền khác do pháp luật quy định.

Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký.
2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác.
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
5. Thực hiện chế độ báo cáo chính xác, đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước và của Đại hội đồng cổ đông. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền tổ chức Công đoàn theo pháp luật về Công đoàn.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

Điều 10: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ giá trị tài sản của Nhà nước tham gia góp vốn cổ phần dưới danh nghĩa pháp nhân sáng lập giữ cổ phần Nhà nước.
2. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn) được góp theo tiến độ như sau:
 - Vốn điều lệ ban đầu do cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông khác đăng ký mua tại thời điểm đăng ký kinh doanh: 12.000.000.000 đồng.
 - Vốn được quyền phát hành từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2012 để bổ sung Vốn điều lệ ban đầu: 8.000.000.000 đồng
3. Việc phân phối vốn được quyền phát hành do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, không trái luật pháp)

Điều 11: Vốn vay

Trong quá trình hoạt động, ngoài vốn điều lệ, Công ty được quyền vay vốn để bổ sung cho kinh doanh. Việc vay vốn do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 12: Cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
2. Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông tại thời điểm thông qua Điều lệ.
3. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ này
4. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập được nêu ở Phụ lục “Danh sách cổ đông sáng lập” đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
5. Cổ đông hiện hữu được quyền ưu tiên đăng ký mua số cổ phần được quyền phát hành theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty.

Điều 13: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần của công ty đều được tự do chuyển nhượng. Nếu cổ phiếu đã được lưu ký hoặc niêm yết thì việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải tuân theo luật chứng khoán. Cổ phiếu chưa được lưu ký hoặc niêm yết thì việc mua bán, chuyển nhượng được đăng ký và thực hiện tại trụ sở chính của Công ty.
2. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng. Trường hợp đặc biệt, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng ban kiểm soát muốn chuyển nhượng cổ phần phải gửi đơn xin chuyển nhượng cổ phần lên Hội đồng quản trị và phải được sự nhất trí của 2/3 thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ phần của cổ phiếu ghi danh không được chuyển nhượng trong thời hạn ba năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng.

Điều 14: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - a. Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân bị sát nhập, hợp nhất thì pháp nhân được thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, phải:
 - a. Gửi cho Hội đồng quản trị hồ sơ, văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc thừa kế.
 - b. Cử người đại diện cổ đông hợp pháp bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị.
3. Cá nhân và pháp nhân có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế, nhưng không đương nhiên thừa kế làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 15: Cổ phiếu

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu.
2. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất. Mọi cổ phiếu phải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu Công ty.
3. Cổ phiếu của Công ty có hai loại: Loại ghi danh và loại không ghi danh.
 - a. Cổ phiếu ghi danh bao gồm:
 - Cổ phiếu thuộc các chủ sở hữu Nhà nước.
 - Cổ phiếu của các cổ đông sáng lập công ty.
 - b. Cổ phiếu không ghi danh là cổ phiếu của các cổ đông không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a nêu trên.
4. Trong thời hạn hai tháng (hoặc theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

6. Nếu cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải báo ngay cho Công ty biết bằng văn bản (trong đó phải kê khai rõ số seri của tờ cổ phiếu bị mất) và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải chi trả phí cho việc cấp lại cổ phiếu mới do Công ty quy định.

Điều 16: Phát hành cổ phần.

1. Công ty có quyền phát hành cổ phần mới.
2. Việc phát hành thêm cổ phần phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Cổ phiếu của các cổ phần phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định và phải ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.
4. Giá bán cổ phần phát hành mới do Hội đồng quản trị quyết định.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác.
7. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua tối thiểu hai mươi ngày làm việc để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 17: Mua lại cổ phần theo yêu cầu cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu trọng tài hoặc Tòa án Tỉnh Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 18: Mua lại cổ phần theo quyết định Công ty.

Công ty có quyền quyết định mua lại cổ phần theo các qui định sau đây :

1. Hội đồng quản trị có quyền mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.
3. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 19: Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào **Sổ đăng ký cổ đông** lưu giữ tại Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:
 - a. Người đại diện pháp luật của cổ đông là pháp nhân: là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.
 - b. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc ủy quyền nên trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.
 - c. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người làm đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
 - d. Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 20: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông của công ty có các quyền sau:

- a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên** có các quyền sau:
- a. Đề cử hoặc ứng cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 31 và Khoản 2 Điều 40 của điều lệ này.
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông

1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký.
2. Tuân thủ điều lệ của Công ty.
3. Chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
4. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty theo số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.

5. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty giải thể.
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
7. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
8. Cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và khi có sự thay đổi.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, trụ sở công ty.
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán.
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - d. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần, ...
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở Công ty.
3. Công ty được quyền thuê một đơn vị có chức năng lưu ký và theo dõi Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23: Đại Hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Mỗi năm Công ty tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Tất cả các kỳ họp đại hội đồng cổ đông khác được coi là kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 24: Thẩm quyền triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 6 tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị.;
 - e. Kiểm soát viên trưởng.
3. Thời hạn triệu tập :
- a. Thông báo trên thông tin đại chúng và bằng văn bản trước 10 ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - b. Thông báo trong vòng 30 ngày khi có yêu cầu tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải gửi thư thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông đến các cổ đông theo danh sách sổ đăng ký cổ đông ít nhất 10 ngày trước ngày tiến hành Đại hội và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải kèm theo dự thảo chương trình và địa điểm họp. Những vấn đề được số cổ đông đại diện sở hữu cho ít nhất 2/3 vốn điều lệ đề nghị bổ sung thì được đưa vào chương trình nghị sự.
2. Tất cả các cổ đông đều được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông
3. Những cổ đông không đến dự Đại hội được phép ủy quyền cho đại diện thay thế.
4. Việc ủy quyền hoặc cử đại diện tham dự đại hội đồng cổ đông phải thực hiện bằng văn bản gửi cho Ban tổ chức đại hội chậm nhất ba ngày trước khi Đại hội được tiến hành. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
5. Danh sách cổ đông dự họp phải được lập xong ít nhất một ngày trước khi tiến hành Đại hội.
6. Cổ đông được ủy quyền cho đại diện thay thế tham dự Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông nhưng không được đề cử, ứng cử tại Đại hội đồng cổ đông với tư cách cá nhân.
7. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc, đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.
8. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
9. Người được ủy quyền có thể thu hồi lại sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị trước ngày Công ty hoàn tất danh sách đại biểu cổ đông dự họp theo quy định.

Điều 26: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 2/3 vốn Điều lệ của Công ty.

- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% vốn điều lệ Công ty .
- c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.
2. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:
- a. Vào ngày họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Đại biểu cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đang có mặt đăng ký hết.
- b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một **Thẻ biểu quyết**, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
Đại hội đồng cổ đông bầu **ban kiểm phiếu** không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa.
Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, tổng số phiếu ủng hộ, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết vấn đề đó.
- c. Cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- d. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị.
Chủ tọa cử thư ký để lập biên bản họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- e. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- f. Chủ tọa hoặc Thư ký có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- g. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được

ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.

- h. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp ở Địa điểm chính của kỳ họp.
- i. Đại biểu đương nhiên dự các kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 27: Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - d. Người được ủy quyền dự họp đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 28: Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát.
2. Thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ.
3. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của năm tài chính mới.
4. Quyết định việc tăng giảm vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
5. Quyết định về việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
6. Quyết định đầu tư, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty.
7. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty.
8. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định của điều lệ.
9. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
10. Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi.
11. Quyết định mua lại trên 10% số cổ phần đã bán.
12. Quyết định các vấn đề khác.

Điều 29: Thông qua quyết định của Đại Hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 29, các quyết định của đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông biểu quyết ủng hộ.
2. Các quyết định của đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại đại hội đồng cổ đông biểu quyết ủng hộ:
 - a. việc sửa đổi và bổ sung điều lệ,
 - b. loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được quyền chào bán,
 - c. sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty,
 - d. đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty

Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Chương trình làm việc.
 - c. Chủ tọa và Thư ký.
 - d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề được thông qua.
 - f. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
 - h. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Trong trường hợp nảy sinh yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội cổ đông thì: Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, số lượng cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên;
 - b. Từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên.
 - c. Từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên.

- d. Từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên.
- e. Nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 32: Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty; Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
3. Quyết định chào bán cổ phần trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
4. Quyết định phương án đầu tư.
5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty (Trừ bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty).
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó.
7. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
8. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
9. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
10. Quyết định giá chào bán cổ phần của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
12. Quyết định mua và bán lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;
13. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 33: Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác.
 - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 34: Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp bất thường nói trên phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì những người đề nghị có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt.
8. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 34 của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4a và Khoản 4b Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - d. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
 - e. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
9. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

Điều 35: Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý các bộ phận khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các bộ phận trong Công ty.
2. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Chết, mất trí, mất quyền công dân.
 - Từ chức.
 - Vi phạm Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.
 - Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
 - Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
 - Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ này, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại Hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trong thời gian chờ đợi, số thành viên còn lại tiếp tục thi hành nhiệm vụ, họp và quyết định dựa trên số thành viên còn lại.

Điều 37: Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại Hội đồng cổ đông ấn định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí hợp lý phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị (kể cả tiền thù lao) được tính vào chi phí quản lý Công ty.

CHƯƠNG VI QUẢN LÝ – ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

Điều 38: Tổng Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác làm Tổng Giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc.
4. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.
6. Tổng Giám đốc có các quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

- e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

Điều 39: Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.
2. Trách nhiệm và quyền hạn của Thư ký Công ty bao gồm:
 - a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Làm biên bản các cuộc họp.
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 - d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - e. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 40: Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban

kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát.
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền đề cử hoặc ứng cử thành viên Ban kiểm soát, số lượng cụ thể như sau:
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên.
 - Từ 30% đến dưới 65% được đề cử hai ứng viên.
 - Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Các thành viên của ban kiểm soát do đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên ban kiểm soát.
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho công ty.
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên ban kiểm soát theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

Điều 41: Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết.
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
 4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định mỗi năm. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 42: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại Hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 43: Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn

bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

CHƯƠNG VIII TỪ NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 44: Đối với Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang giữ chức thành viên Hội đồng quản trị phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét giải quyết theo điều lệ Công ty.
2. Trong quá trình quản lý Công ty, nếu Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có quyết định sai hoặc không xử lý kịp thời những quyết định sai trái của Tổng giám đốc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty ngay khi nhận thấy hoặc nhận được thông tin phản ánh thì Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm theo mức độ vi phạm và bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 45: Đối với Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm chức danh phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị trong đó ghi rõ các lý do từ nhiệm. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét giải quyết theo quy định của điều lệ Công ty.
2. Trong quá trình làm việc, nếu thiếu trách nhiệm không phát hiện được hoặc không kịp thời phát hiện và ngăn chặn những hành vi tài chính, vi phạm nguyên tắc quản lý điều hành công ty gây hậu quả thiệt hại về tài sản, thì tùy theo mức độ vi phạm cá nhân hay tập thể, Ban kiểm soát bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 46: Đối với Tổng Giám đốc công ty

1. Tổng Giám đốc công ty muốn từ nhiệm chức danh phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị trong đó ghi rõ các lý do từ nhiệm. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và giải quyết chỉ định thay thế hoặc thuê Tổng giám đốc khác.
2. Trong quá trình điều hành kinh doanh, nếu thực hiện sai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, ra các quyết định sai làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, gây thiệt hại về tài sản, . . . thì tùy theo mức độ, Tổng Giám đốc bị xử lý kỷ

luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét mức độ vi phạm và quyết định mức kỷ luật và trách nhiệm bồi hoàn vật chất đối với Tổng Giám đốc trong phạm vi xử lý hành chính.

CHƯƠNG IX QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 47: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 20.1.i của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG X HẠCH TOÁN – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 48: Hạch toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.
2. Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại Hội đồng cổ đông:
 - Bảng cân đối kế toán của Công ty.
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 49: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 50: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1. Hàng năm, trước khi chia cổ tức, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình để lập các quỹ sau:
 - a. Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để dự trữ tài chính cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.
 - b. Các quỹ sau đây do Hội đồng quản trị trình đại hội đồng cổ đông quyết định:
 - Quỹ đầu tư phát triển.
 - Quỹ khen thưởng.
 - Quỹ Phúc lợi.
2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 51: Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu.

6. Trường hợp trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.
7. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG XI QUAN HỆ VỚI CÔNG TY MẸ

Điều 52: Công ty mẹ

1. Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây dựng Sonadezi.
2. Công ty mẹ giữ vai trò trung tâm chi phối, định hướng hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

Điều 53: Quan hệ với công ty mẹ

1. Công ty mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons theo qui định của pháp luật và điều lệ này.
2. Công ty mẹ cử người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons. Có quyền và nghĩa vụ đối với phần cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Sonadezi.

Điều 54: Trách nhiệm Công ty mẹ

Công ty mẹ thực hiện trách nhiệm đối với Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons theo qui định điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Sonadezi theo mô hình công ty mẹ - công ty con quy định về trách nhiệm của Công ty mẹ trong quan hệ với Công ty con.

Điều 55: Trách nhiệm công ty Cổ phần xây lắp Sonacons

1. Chấp hành luật pháp, các quy định của nhà nước có liên quan đến mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các quy định về trách nhiệm của công ty con trong quan hệ với công ty mẹ nêu tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xây dựng Sonadezi theo mô hình công ty mẹ - công ty con.
2. Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh cho công ty mẹ định kỳ hàng quý, năm.
3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của công ty mẹ trong việc sử dụng phần vốn góp của công ty mẹ tại Công ty.

CHƯƠNG XII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 56: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 58 của Điều lệ này, và trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 57: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng, nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

**CHƯƠNG XIII
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 58: Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể được phép tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

**CHƯƠNG XIV
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

Điều 59: Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 60: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 61: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.
2. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
3. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án, các cơ quan hành chính, các chủ nợ và các cổ đông.
4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XV GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tòa án kinh tế tỉnh Đồng Nai giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [sáu] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế tỉnh Đồng Nai.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XVI ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 63: Chế độ lưu giữ tài liệu công ty

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
 - a. Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; sổ đăng ký cổ đông;
 - b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đăng ký kinh doanh;
 - c. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - d. Biên bản họp và các quyết định đã được Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua;
 - e. Báo cáo của Ban kiểm soát; kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - f. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

- g. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu nói trên tại trụ sở của công ty. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 64: Con dấu

Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 65: Điều khoản thi hành

1. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Bản Điều lệ này trở thành văn kiện pháp lý điều chỉnh mối quan hệ pháp lý giữa Công ty với các cổ đông và giữa các cổ đông với nhau.
2. Trong quá trình thực hiện các điều khoản của bản Điều lệ này, nếu có điểm nào không còn phù hợp với các luật hiện hành thì lấy các luật hiện hành làm căn cứ để thi hành. Sau đó sẽ bổ sung sửa đổi theo quy định tại Điều 66 của Điều lệ này.

Điều 66: Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Khi muốn sửa đổi, bổ sung Bản điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ đề nghị những vấn đề cần thay đổi và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ có thể được thực hiện bằng các phụ lục đính kèm; các phụ lục này là một phần không thể tách rời của Bản Điều lệ.

Điều 67: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tổng Giám Đốc
Trương Minh Hoàng

Điều 68: Đăng ký Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm 16 Chương, 68 Điều và 01 phụ lục, được các cổ đông công ty thông qua và chấp thuận toàn bộ tại kỳ họp thứ nhất, nhiệm kỳ I, Đại hội đồng cổ đông vào ngày 07 tháng 01 năm 2010.
2. Bản điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:
 - 01 bản nộp tại Phòng công chứng nhà nước Tỉnh Đồng Nai.
 - 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
 - 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

Các bản trích hay bản sao phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị ký tên và đóng dấu mới có giá trị.

Biên Hòa, ngày 07 tháng 01 năm 2010

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SONACONS**



Trương Minh Hoàng

Phụ lục:
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

STT	Tên cổ đông sáng lập /Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông là cá nhân	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân hoặc Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc Giấy CNDKKD đối với doanh nghiệp, hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Góp vốn		
					Số lượng cổ phần /loại cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty Cổ Phần Xây Dựng Sonadezi		Số 3, Đường 3, KCN BH1, Biên Hòa-Đồng Nai	4703000001	360.000 Phổ thông	3.600	18,0%
2	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hoa Hồng		Số 9, Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	4103006636	150.000 Phổ thông	1.500	7,5%
3	Ông Phạm Xuân Bách 16/3/1956	Việt Nam	Số 236, Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM	Số CMND: 024036162 Ngày cấp: 4/7/2002 Nơi cấp: TP.HCM	50.000 Phổ thông	500	2,5%
4	Ông Trương Minh Hoàng 2/4/1961	Việt Nam	Số 2/1, Nguyễn Thành Ý, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM	Số CMND: 271668238 Ngày cấp: 24/11/2000 Nơi cấp: Đồng Nai	50.000 Phổ thông	500	2,5%
5	Ông Lê Anh Hoàn 8/11/1961	Việt Nam	64A Đường 30/4, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	Số : 270017964 Ngày cấp 08/08/2003 Nơi cấp : Đồng Nai	50.000 Phổ thông	500	2,5%

Danh sách này có 05 (năm) cổ đông sáng lập.

Tổng số vốn góp của các cổ đông sáng lập: **6.600.000.000 (sáu tỷ sáu trăm triệu) đồng**